

*

Số 01 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUY ĐỊNH

Công tác kiểm tra, giám sát của Hội Nông dân Việt Nam

- Căn cứ Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII quy định công tác kiểm tra, giám sát của Hội Nông dân Việt Nam như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công tác kiểm tra, giám sát trong hệ thống tổ chức Hội Nông dân Việt Nam từ Trung ương đến cấp cơ sở, chi hội, tổ hội, cán bộ hội, hội viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Kiểm tra của Hội: Là việc các tổ chức hội có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được kiểm tra trong việc chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Giám sát của Hội: Là việc các tổ chức hội có thẩm quyền quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được giám sát chấp hành đúng Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Có dấu hiệu vi phạm: Là khi có thông tin, dấu hiệu cho thấy tổ chức hội hoặc cán bộ hội, hội viên không tuân theo, không làm hoặc làm trái Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Mục đích công tác kiểm tra, giám sát của Hội

1. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban chấp hành, ban thường vụ, chủ động đánh giá hoạt động của tổ chức hội và cán bộ hội thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý; bảo đảm việc chấp hành nghiêm Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định của Hội phù hợp với thực tiễn.

2. Phát huy những ưu điểm, nhân tố mới; phát hiện hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, chấn chỉnh, khắc phục những vi phạm của tổ chức hội, cán bộ hội và hội viên ngay từ khi còn manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn.

3. Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ, xây dựng tổ chức hội vững mạnh về mọi mặt, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức hội; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, nông dân.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

1. Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên, được thực hiện ở các cấp hội. Tất cả các tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên đều chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội.

2. Kiểm tra, giám sát phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, lấy mục đích xây dựng và phát triển tổ chức hội vững mạnh làm mục tiêu, phương hướng, nội dung hoạt động.

3. Kiểm tra, giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, khách quan, trung thực, chính xác, kịp thời; đảm bảo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội, quy định của Hội. Nếu phát hiện sai phạm, phải kiến nghị xử lý kịp thời, đúng quy định.

4. Tổ chức hội phải thường xuyên tự kiểm tra, giám sát. Ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra hội nông dân các cấp kiểm tra, giám sát tổ chức hội, cán bộ hội ở cấp mình, cấp dưới và hội viên. Cán bộ hội, hội viên thực hiện kiểm tra, giám sát theo sự phân công của tổ chức hội có thẩm quyền.

Chương II

CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 5. Chủ thể và đối tượng kiểm tra, giám sát

1. Chủ thể kiểm tra, giám sát: Ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân các cấp; Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Đối tượng kiểm tra, giám sát:

a) *Tổ chức hội:* Ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân các cấp; Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh, cấp huyện; ban chấp hành chi hội, chi hội, tổ hội và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cho Ban Thường vụ Trung ương Hội và ban thường vụ hội nông dân cấp tỉnh.

b) *Cá nhân:* Cán bộ hội nông dân các cấp, cán bộ chi hội, tổ hội và hội viên.

Điều 6. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Hội, việc thực hiện nghị quyết và các quy định của tổ chức hội các cấp:

a) Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hội theo quy định của Điều lệ Hội.

b) Việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội và nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân các cấp.

c) Việc thực hiện nhiệm vụ của ban chấp hành hội nông dân từ cấp huyện trở lên theo điều 10 Điều lệ Hội; của ban chấp hành cơ sở hội theo điều 12 Điều lệ Hội.

d) Việc xây dựng và củng cố tổ chức hội cơ sở, các chi hội, tổ hội, việc thực hiện nhiệm vụ của chi hội, tổ hội, của hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng tài chính hội, thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do hội quản lý:

a) Việc ban hành và thực hiện quy định, quy chế về quản lý và sử dụng hội phí, quỹ hội và các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng hội phí, quỹ hội.

c) Việc xây dựng, quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ nông dân, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vốn cho nông dân.

d) Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu khác cho hoạt động của hội và thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do hội quản lý.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các cấp hội:

a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức hội cấp dưới theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

b) Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của ủy ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đơn vị giúp việc ủy ban kiểm tra (ở cấp Trung ương và cấp tỉnh), về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra hội nông dân các cấp.

5. Kiểm tra, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc xử lý kỷ luật thuộc thẩm quyền của tổ chức hội:

a) Giải quyết khiếu nại tố cáo và kiểm tra, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, hội viên theo thẩm quyền; việc thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội, cán bộ, hội viên và việc giải quyết khiếu nại kỷ luật của Hội.

b) Việc chấp hành các quyết định, kết luận, thông báo của tổ chức hội cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội.

6. Kiểm tra tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra nội dung theo đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

Điều 7. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Hình thức kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên; kiểm tra định kỳ; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra đột xuất (khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo; khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ).

2. Hình thức giám sát: Giám sát thường xuyên; giám sát định kỳ; giám sát chuyên đề.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, ỦY BAN KIỂM TRA VÀ ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 8. Trách nhiệm của ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân các cấp

1. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát:

a) Quán triệt, triển khai Điều lệ, nghị quyết, quy định của hội cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát.

b) Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức hội thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Hội.

c) Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cùng cấp và ban thường vụ hội cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch; phân công ủy viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của ban thường vụ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc ban chấp hành, ban thường vụ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

d) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Hội; giải quyết kiến nghị của tổ chức hội cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát của Hội.

đ) Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của ủy ban kiểm tra, đơn vị giúp việc ủy ban kiểm tra (ở cấp Trung ương và cấp tỉnh), về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

e) Lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát của Hội.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra:

a) Ban chấp hành, ban thường vụ từ cấp cơ sở trở lên xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra ở cấp mình và cấp dưới trong thực hiện các nội dung:

- Việc chấp hành các nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực thi nhiệm vụ của hội; việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quy định của Hội.

- Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ trong hệ thống hội.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Hội.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Thực hiện kiểm tra các nội dung khác khi cần thiết.

b) Khi thực hiện kiểm tra được yêu cầu các tổ chức, cá nhân được kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản hoặc báo cáo theo yêu cầu kiểm tra; chịu trách nhiệm về việc kiểm tra; giữ bí mật về thông tin, tài liệu cung cấp cho việc kiểm tra.

c) Nếu qua kiểm tra, phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm thì chỉ đạo ủy ban kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát:

a) Ban chấp hành, ban thường vụ từ cấp cơ sở trở lên xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát. Xác định rõ nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, phân công ủy viên ủy ban kiểm tra và các đơn vị tham mưu, giúp việc ủy ban kiểm tra (ở cấp Trung ương và cấp tỉnh), cán bộ cấp cơ sở thực hiện.

b) Ban thường vụ hội cấp trên phân công ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành dự các hội nghị của tổ chức hội cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ giám sát.

c) Khi thực hiện giám sát được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản hoặc báo cáo theo yêu cầu giám sát; chịu trách nhiệm về việc giám sát; giữ bí mật về thông tin, tài liệu cung cấp cho việc giám sát.

d) Ban thường vụ cử ủy viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức hội cấp dưới sửa chữa khuyết điểm, khắc phục yếu kém, vi phạm.

- Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng thì yêu cầu khắc phục, sửa chữa hoặc xử lý theo thẩm quyền.

- Nếu phát hiện tổ chức hội hoặc cán bộ hội, hội viên có dấu hiệu vi phạm thì giao ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Điều 9. Trách nhiệm của ủy ban kiểm tra hội nông dân các cấp và cán bộ được phân công phụ trách công tác kiểm tra, giám sát ở cấp cơ sở

1. Tham mưu và giúp ban chấp hành, ban thường vụ cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác hội và phong trào nông dân theo nhiệm kỳ và hàng năm.

Ủy ban kiểm tra hội nông dân các cấp và cán bộ được phân công phụ trách công tác kiểm tra, giám sát ở cấp cơ sở căn cứ Nghị quyết đại hội cấp trên, cấp mình và tình hình cụ thể của địa phương, các yêu cầu, nhiệm vụ của hội cấp trên và cấp ủy, chính quyền cùng cấp phân công để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành của tổ chức hội cùng cấp và cấp dưới theo nhiệm kỳ và hàng năm.

2. Kiểm tra cán bộ hội (kể cả ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp) và tổ chức hội cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, khi có đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

Khi có phản ánh tổ chức hội hoặc cán bộ hội, hội viên cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của hội hoặc khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo, ủy ban kiểm tra các cấp và cán bộ được phân công phụ trách công tác kiểm tra, giám sát ở cấp cơ sở chủ động tìm hiểu, phát hiện và báo cáo ban thường vụ, ban chấp hành cùng cấp để tổ chức kiểm tra, kết luận vi phạm và kiến nghị xử lý kịp thời.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong hệ thống hội.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên và việc giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội. Rà soát các vụ việc kiểm tra để phát hiện, kiến nghị xử lý các vụ vi phạm đến mức phải xử lý nhưng không được cấp dưới xử lý hoặc xử lý không đúng mức vi phạm. Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, kết luận, thông báo kết luận kiểm tra của tổ chức hội cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội.

4. Kiểm tra công tác tài chính của các đơn vị trực thuộc ban chấp hành cùng cấp và tổ chức hội cấp dưới theo quy định pháp luật và quy định của Hội.

Ủy ban kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, việc thu, nộp, sử dụng hội phí và các hoạt động về tài chính, kinh tế của các ban, đơn vị cùng cấp và tổ chức hội cấp dưới theo quy định của pháp luật và quy định của Hội.

5. Giám sát ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp và tổ chức hội cấp dưới về việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, quy định của Hội và việc tuân thủ các Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong thực hiện công tác hội.

a) Đối với tổ chức hội:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của hội cấp trên và cùng cấp, Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản triển khai các nhiệm vụ do hội cấp trên chỉ đạo và nhiệm vụ của hội cùng cấp; văn bản chỉ đạo hội cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

b) Đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp:

- Việc chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết và quy định của Hội; quy định của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác.

- Việc chấp hành quy định của Đảng, Nhà nước về phẩm chất, đạo đức, lối sống.

6. Phương thức giám sát và xử lý kết quả giám sát:

- Ủy ban kiểm tra phân công ủy viên ủy ban kiểm tra dự các hội nghị của ban chấp hành, tổ chức hội cấp dưới.

- Qua giám sát, kịp thời báo cáo để ủy ban kiểm tra xem xét, kiến nghị ban chấp hành, ban thường vụ cùng cấp và cá nhân được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

Nếu phát hiện ban chấp hành, ban thường vụ ban hành các nghị quyết, văn bản không đúng quy định thì ủy ban kiểm tra yêu cầu xem xét lại, nếu không khắc phục thì báo cáo ban thường vụ hội cấp trên xem xét xử lý trách nhiệm.

Nếu phát hiện tổ chức hội cấp dưới hoặc cán bộ hội, hội viên (kể cả ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp và cấp

dưới) có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo ủy ban kiểm tra hoặc thường trực ủy ban kiểm tra quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Điều 10. Nguyên tắc xử lý ý kiến khác nhau trong thực hiện kiểm tra, giám sát

Trường hợp giữa ủy ban kiểm tra và ban thường vụ, ban chấp hành cùng cấp có ý kiến khác nhau trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thì ủy ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ, ban chấp hành hội cùng cấp, đồng thời báo cáo ủy ban kiểm tra hội cấp trên. Trường hợp ủy ban kiểm tra hội cấp trên có ý kiến khác với ý kiến của ban chấp hành, ban thường vụ hội cấp dưới thì báo cáo ban thường vụ hội cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội có ý kiến khác với ban thường vụ hội cấp tỉnh thì báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, quyết định.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát

1. Chấp hành nghiêm Điều lệ Hội, quy định của Hội về công tác kiểm tra, giám sát của Hội Nông dân Việt Nam; các quyết định, kế hoạch, kết luận, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu.

2. Không để lộ nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát.

3. Được sử dụng tài liệu, bằng chứng có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát để báo cáo, giải trình; bảo lưu ý kiến và đề nghị tổ chức hội có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát.

Chương IV

QUY TRÌNH KIỂM TRA, QUY TRÌNH GIÁM SÁT

Điều 12. Quy trình kiểm tra

1. Quy trình kiểm tra định kỳ, thường xuyên, chuyên đề

Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra

- Căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra hàng năm và yêu cầu, nhiệm vụ của các cấp Hội, ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra ban hành quyết định kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra theo thẩm quyền.

- Đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể về mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, phương pháp, mốc thời gian kiểm tra, lịch làm việc của đoàn kiểm tra, địa bàn kiểm tra, phương pháp tiến hành, tiến độ thực hiện.

- Trưởng đoàn kiểm tra phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra, thảo luận về phương pháp tiến hành kiểm tra, sự phối hợp giữa các thành viên đoàn kiểm tra. Các thành viên chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công, nghiên cứu báo cáo, thu thập thông tin liên quan tới nội dung kiểm tra và báo cáo trưởng đoàn kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra và yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra chuẩn bị hồ sơ, tài liệu theo nội dung kiểm tra, xây dựng báo cáo bằng văn bản, làm rõ các nội dung kiểm tra và gửi cho thành viên đoàn kiểm tra ít nhất trước 05 ngày làm việc để nghiên cứu.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra

- Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm công bố quyết định kiểm tra với tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức, cá nhân được kiểm tra về nội dung kiểm tra. Tổ chức, cá nhân được kiểm tra báo cáo bằng văn bản và cung cấp cho đoàn kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan. Đoàn kiểm tra nghiên cứu báo cáo, hồ sơ, tài liệu; trao đổi, thảo luận, xác minh làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tiếp tục thu thập các báo cáo, thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Bước 3: Kết thúc kiểm tra

- Thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với trưởng đoàn kiểm tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực về nội dung báo cáo.

- Thành viên đoàn kiểm tra thống nhất về dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra và kết luận về các nội dung kiểm tra.

- Gửi dự thảo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân được kiểm tra tham gia ý kiến.

- Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra và xin ý kiến chỉ đạo của tổ chức hội ban hành quyết định kiểm tra về dự thảo kết luận kiểm tra.

- Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đoàn kiểm tra có trách nhiệm ban hành báo cáo kết quả kiểm tra và kết luận kiểm tra (nêu rõ những ưu điểm, hạn chế của tổ chức, cá nhân được kiểm tra, giám sát; giải pháp khắc phục, kiến nghị, đề xuất) và gửi báo cáo, kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có liên quan và đối tượng được kiểm tra để thực hiện. Nếu phát hiện thấy

có dấu hiệu vi phạm thì có văn bản kiến nghị tiến hành kiểm tra, xác minh theo quy định.

- Lưu hồ sơ kiểm tra bao gồm: quyết định, kế hoạch kiểm tra, báo cáo của đơn vị được kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra và các văn bản, tài liệu có liên quan.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra.

2. Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra theo nội dung đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo

Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra

- Căn cứ vào kết luận kiểm tra, giám sát phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo có nội dung cụ thể, rõ ràng, ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra khi được ủy quyền ban hành quyết định kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra tổ chức, cá nhân khi có dấu hiệu vi phạm hoặc kiểm tra nội dung tố cáo theo thẩm quyền.

- Đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể về mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, phương pháp, mốc thời gian kiểm tra, địa bàn kiểm tra, lịch làm việc của đoàn kiểm tra, tiến độ thực hiện; thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên đoàn kiểm tra, thảo luận về phương pháp tiến hành kiểm tra, sự phối hợp giữa các thành viên đoàn kiểm tra. Các thành viên xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công và báo cáo trưởng đoàn kiểm tra, chủ động nghiên cứu các báo cáo, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra xây dựng đề cương gợi ý báo cáo giải trình và yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra báo cáo giải trình bằng văn bản, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra và gửi cho thành viên đoàn kiểm tra ít nhất trước 05 ngày làm việc để nghiên cứu.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra

- Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định, kế hoạch kiểm tra tới tổ chức, cá nhân được kiểm tra; thông qua chương trình làm việc, nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời hạn, mốc thời gian kiểm tra, địa bàn kiểm tra, nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn kiểm tra, quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, dự kiến kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, các nội dung khác liên quan đến hoạt động của đoàn kiểm tra.

Thành phần tham dự buổi công bố quyết định kiểm tra gồm: Đoàn kiểm tra, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra và các thành phần khác có liên quan (nếu có).

Việc công bố quyết định kiểm tra phải được lập thành biên bản. Biên bản họp công bố quyết định kiểm tra được ký giữa trưởng đoàn kiểm tra và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức, cá nhân được kiểm tra về các nội dung kiểm tra, yêu cầu cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra; nghe đối tượng được kiểm tra báo cáo giải trình, các bên trao đổi, thảo luận, làm rõ các nội dung kiểm tra.

- Làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan; yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung kiểm tra. Làm việc với người tố cáo, phản ánh, đề nghị cung cấp tài liệu, chứng cứ nếu là đoàn kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo.

- Tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; kiểm tra, xác minh các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Làm rõ có hay không có vi phạm; nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân của vi phạm.

- Quá trình đoàn kiểm tra làm việc với các tổ chức, cá nhân phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên.

- Khi tiến hành kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm đến mức phải xử lý ngay thì trưởng đoàn kiểm tra phải tổ chức lập biên bản về việc vi phạm để làm cơ sở cho việc xử lý. Việc xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra và pháp luật khác có liên quan. Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì trưởng đoàn kiểm tra báo cáo tổ chức hội, cá nhân ban hành quyết định kiểm tra xem xét, quyết định.

Bước 3: Kết thúc kiểm tra

- Thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với trưởng đoàn kiểm tra về kết quả nội dung kiểm tra, kết luận vi phạm nội dung được phân công kiểm tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực của nội dung báo cáo, kết luận.

- Đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra và kết luận kiểm tra.

Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung chính: Kết quả kiểm tra, xác minh từng nội dung kiểm tra; kết luận rõ đúng, sai về từng nội dung đã được kiểm tra, xác minh; nêu rõ hành vi vi phạm phát hiện qua kiểm tra (nếu có); dẫn chiếu quy định pháp luật, quy định của Hội là căn cứ để kết luận đúng, sai; xác định rõ tính chất, hậu quả, mức độ vi phạm; kiến nghị, đề xuất việc xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm; kiến nghị khắc phục hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan...

Dự thảo kết luận kiểm tra phải có các nội dung chính: Đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật, Điều lệ Hội, quy định của Hội, thực hiện nhiệm vụ của đối

tượng được kiểm tra thuộc nội dung kiểm tra; kết luận về nội dung được kiểm tra; xác định rõ tính chất, hậu quả, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm (nếu có); các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng; kiến nghị các biện pháp xử lý...

- Trưởng đoàn kiểm tra họp đoàn kiểm tra để thống nhất các nội dung trong báo cáo và dự thảo kết luận kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra và xin ý kiến chỉ đạo của tổ chức hội ban hành quyết định kiểm tra về dự thảo kết luận kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra tổ chức hội nghị để công bố dự thảo kết luận kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra thông báo cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra về thời gian, địa điểm, thành phần tham dự hội nghị công bố dự thảo kết luận kiểm tra. Khi cần thiết có thể mời các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đối tượng kiểm tra. Tại hội nghị công bố, trưởng đoàn kiểm tra thông qua dự thảo kết luận kiểm tra trước hội nghị để các thành viên tham gia ý kiến, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện kết luận kiểm tra. Việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra phải được lập thành biên bản.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp công bố dự thảo kết luận kiểm tra, đoàn kiểm tra hoàn chỉnh văn bản kết luận kiểm tra; gửi đến các tổ chức, cá nhân có liên quan, gửi đến người tố cáo nếu là đoàn kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo và đối tượng được kiểm tra để thực hiện.

- Lưu hồ sơ kiểm tra bao gồm: quyết định kiểm tra; kế hoạch kiểm tra; văn bản yêu cầu giải trình; các biên bản kiểm tra; báo cáo, giải trình của đối tượng được kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra; kết luận kiểm tra; văn bản về việc xử lý, kiến nghị việc xử lý; các tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận của đoàn kiểm tra. Tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

Điều 13. Quy trình giám sát

1. Giám sát thường xuyên được thực hiện bằng 2 hình thức: Giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp

a) Giám sát trực tiếp:

- Phân công ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực, nắm tình hình phục vụ cho việc phát hiện dấu hiệu vi phạm nếu có.

- Thông qua dự các hội nghị ban chấp hành cùng cấp và cấp dưới.

- Thông qua nghe phản ánh, báo cáo từ các tổ chức Hội, ban, đơn vị cùng cấp và cấp dưới.

- Giám sát tổ chức hội cùng cấp và cấp dưới thông qua các báo cáo định kỳ, hàng năm, báo cáo chuyên đề...

b) *Giám sát gián tiếp:*

- Thông qua nhận xét, đánh giá của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể về công tác hội và phong trào nông dân.

- Thông qua nghiên cứu kết quả giám sát của cấp ủy đảng đối với đảng viên là cán bộ hội nông dân các cấp.

- Thông qua nắm tình hình từ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan bảo vệ pháp luật, phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội.

- Thông qua đánh giá, phản ánh của hội viên, nông dân về tổ chức Hội, qua đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

- Các cách thức giám sát khác...

2. Giám sát chuyên đề: Thực hiện theo quy trình kiểm tra định kỳ, thường xuyên, chuyên đề (khoản 1 điều 12).

3. Xử lý kết quả giám sát:

- Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo bằng các hình thức thích hợp theo thẩm quyền với đối tượng giám sát về những vấn đề cần thiết.

- Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; xem xét trách nhiệm của đối tượng giám sát; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Yêu cầu đối tượng giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm và khắc phục hậu quả (nếu có).

- Yêu cầu tổ chức hội và lãnh đạo có thẩm quyền chỉ đạo đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát. Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện thông báo kết quả giám sát.

- Qua giám sát, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì chủ thể giám sát có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định kiểm tra vụ việc.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm thi hành Quy định

Hội Nông dân các cấp, chi, tổ hội và cán bộ hội, hội viên Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quy định này; ban chấp hành hội nông dân các cấp tổ chức triển khai thi hành Quy định này.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Quy định này.

Điều 15. Hiệu lực của Quy định

Quy định này đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII ngày 19/7/2024 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quy định số 797 - QĐ/HNDTW ngày 29/7/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định./Hr

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức TW Đảng,
 - Ủy ban Kiểm tra TW Đảng,
 - Ban Nội chính TW Đảng,
 - Ban Dân vận TW Đảng,
 - Ban Tuyên giáo TW Đảng,
 - Văn phòng TW Đảng,
 - Các đ/c UV BCH TW Hội,
 - Các đ/c UV UBKT TW Hội,
 - Hội Nông dân 63 tỉnh, thành phố,
 - Các Ban, đơn vị TW Hội,
 - Lưu VT, UBKT.
- } đề b/c

**T/M BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



Lương Quốc Đoàn